

TỪ NGUYÊN CỦA “LÔNG” TRONG TỪ “LẠC LÔNG”

HOÀNG TRINH SƠN*

*T*ừ điển từ láy tiếng Việt (Viện ngôn ngữ - Hoàng Văn Hành chủ biên) thu thập và giải nghĩa:

“Lạc lông tt. (hoặc đgt.). ① Lạc nhau, không còn ở cùng một chỗ. *Chạy loạn, gia đình lạc lông mỗi người một nơi.* “Mấy chú nhện lạc lông nơi nào tới đã chẳng mạng kín cả cửa ngõ” (Tô Hoài). ② Chơ vơ, lẻ loi do bị rơi vào một môi trường tách biệt hoặc hoàn cảnh hoàn toàn xa lạ. *Lạc lông nơi đất khách quê người. Một làng lạc lông nằm trong rừng sâu.* ③ Không phù hợp với chung quanh, không ăn khớp với những cái khác. *Bài văn có nhiều ý lạc lông xa đề. Lối sống lạc lông*”.

Có lẽ nhà biên soạn từ điển từ láy cho rằng, “lạc” là “tiếng gốc”, còn “lông” chỉ là yếu tố “láy âm” của “lạc”, chứ không có nghĩa riêng biệt.

Thực ra, *lạc* và *lông* là hai từ có khả năng độc lập trong hành chức: *lạc* nghĩa là đi sai đường, mất đi sự liên hệ với bầy đàn, tập thể; *lông* là lối đi lại, lối di chuyển theo bầy đàn của thú rừng, về sau nghĩa rộng được dùng để chỉ đường đi lối lại quen thuộc, hay con đường mà đối tượng buộc phải đi qua.

Nhiều cuốn từ điển chúng tôi có trong tay đã ghi nhận nghĩa độc lập của từ *lông* như sau:

- *Việt Nam tự điển* (Hội Khai trí Tiến đức): “lông • Lối hươu nai đi ở trên rừng
98

◇ *Người đi săn phải đón lông mới bắt được hươu*”.

- *Tự điển Việt Nam* (Ban Tu thư Khai trí - Sài Gòn): “lông 2. Lối hươu nai đi trong rừng: *Theo lông bắt nai*”.

- *Từ điển tiếng Việt* (Văn Tân chủ biên) “lông • d. lối đi của hươu nai trong rừng ◇ *đón lông đặt bẫy bắt hươu*”.

- *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên-Vietlex) thu thập và giải nghĩa: “**lông 1** lối đi quen của thú rừng: *lần theo lông để bắt thú ~ dòn cho thú chạy đúng lông. 2 [kng] lối đi lại quen thuộc : “(...) trung đoàn chúng tôi thì dừng lại ở hướng này, cách Sài Gòn khá xa về phía bắc, sẵn sàng đón lông những đường bay địch (...)” (Vũ Cao Phan)*”.

Trong thực tế, nhiều loài muông thú thường chọn một lối đi lại quen thuộc hoặc dễ dàng nhất để kiếm ăn, hay trở về hang ổ, gọi là “lông”. Đặc biệt với những loài sống theo bầy đàn, chúng luôn giữ tập tính di chuyển có trật tự theo một lối mòn hoặc địa hình phù hợp, do con đầu đàn dẫn đường. Bất kể con non hay con già, đều phải cố gắng “bám sát đội hình” để nương tựa vào nhau. Nếu chẳng may bị thú dữ tấn công, cả bầy chạy tan tác, nhưng sau đó từng thành viên đều phải tìm cách nhập đàn. Với những con có thể vì quá hoảng hốt mà “sa chân lỡ bước”,

* Nhà nghiên cứu tự do tỉnh Thanh Hóa

chúng sẽ bị “lạc lông”, nghĩa là không còn giữ được khoảng cách với bầy đàn, bị lạc mất lối đi chuyên của bầy đàn và trở nên lẻ loi, bơ vơ, một mình “lạc lông”.

Đến đây, câu hỏi đặt ra là tại sao lối đi quen thuộc, hay con đường mà đối tượng *thường/buộc* phải đi qua lại gọi là “lông”?

Lông là một từ Việt gốc Hán, do chữ *lũng* 壟 mà ra. Đây là chữ hình thanh, gồm bên trên là chữ *long* 龍 ghi âm, phía dưới là bộ *thổ* 土 ghi nghĩa.

Chữ *lũng* 壟 được *Hán ngữ đại từ điển* giảng là “điền canh, điền gian tiêu tiêu cao khởi đích tiểu lộ 田埂, 田間稍稍高起的小路”, nghĩa là: bờ ruộng, con đường nhỏ hơi nhô cao giữa cánh đồng. Chúng ta hiểu rằng, giữa cánh đồng ngập nước hoặc trồng cây cây cối, hoa màu tốt tươi rậm rạp, hay ruộng rẫy lởm chởm gai gộc, mà có bờ ruộng nổi lên, hoặc con đường nhỏ kiểu đường mòn, thì đây chính là lối đi mà người và thú hoang buộc phải lựa chọn (hoặc ưa lựa chọn) để đi lại, di chuyển, cho dễ dàng. Về sự biến âm của từ ngữ, thì mối quan hệ UNG↔ONG (*lũng* 壟→*lông*) chúng ta

còn gặp ở nhiều trường hợp khác, như *dũng* 勇→*dông*; *trung* 中→*trong*; *hung* 胸→*lông*; *lung* 籠→*lông*; *thung* 從→*thong*; *dung* 容→*dong*, v.v...

Như vậy, *lông* là một từ Việt gốc Hán, bắt nguồn từ chữ *lũng* 壟, nghĩa là con đường giữa đồng, đường bờ ruộng. Về sau, *lũng*→*lông* không còn gắn riêng với đường bờ ruộng hay đường đồng nữa, mà được dùng để chỉ đường đi lối lại quen thuộc, con đường mà đối phương buộc phải đi qua nói chung, không phân biệt địa hình miền núi hay đồng bằng. Vì “lông” là lối đi lại quen thuộc, hoặc ưa thích của thú rừng, nên người thợ săn có kinh nghiệm tương kế tựu kế, lần theo dấu vết của *lông* để đặt bẫy, đánh bắt muông thú, gọi là *đón lông*. Và về sau, từ *đón lông* cũng không chỉ được dùng cho việc bẫy bắt thú rừng, mà còn được hiểu với nghĩa rộng hơn là *phục kích, đón đường* (bắt kẻ thủy, bộ hay đường không), chờ đối phương vào tròng, giống như người thợ săn *đón lông* ở con đường mòn, đường qua ruộng rẫy để bẫy bắt thú rừng vậy./.

H.T.S